



zuō fáng

作坊

noun · workshop

Example Sentences

Zhè jiā zuō fāng zhuān mén zhì zuò shǒu gōng táo cí
这家作坊 专 门制作手工陶瓷。

This workshop specializes in making handmade ceramics.

Gǔ lǎo de zuō fāng lǐ gōng jiàng men zhèng zài diāo kè mù qì
古老的作坊里，工匠们正在雕刻木器。

In the ancient workshop, craftsmen are carving wooden items.

Trace each character, then write the word on your own.

作 作 作 作 作 作 作 作 作 作

坊 坊 坊 坊 坊 坊 坊 坊 坊 坊